TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2023

V/v "Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Khen

2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: không tham gia

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh S, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: số 7A/9 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- Bị đơn: Chị Phan Thị Dũng S, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 7A/9 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Thanh S trình bày: Anh và Chị Dũng S trên cơ sở quen biết tiến đến hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cải nhau. Anh với Chị Dũng S không còn sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Nay Anh không còn tình cảm với Chị Dũng S nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Dũng S.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày 24/10/2001, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn chị Phan Thị Dũng S vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn anh Đỗ Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì mới .

- Bị đơn chị Phan Thị Dũng S vắng mặt nhiều lần không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đỗ Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, phía bị đơn chị Phan Thị Dũng S vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và Chị Dũng S tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh S: Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"* và Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc gia đình*". Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng phía Chị Dũng S đều vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Ngoài ra, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh S thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh với Chị Dũng S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện công việc gia đình và không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Phía Chị Dũng S cố tình vắng mặt và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án chứng tỏ lời trình bày của anh S về tình trạng mâu thuẫn gia đình là có thật. Tại phiên tòa hôm nay anh S có

đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với Chị Dũng S nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S là có cơ sở

[3] Về con chung: cháu Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày 24/10/2001, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: anh Đỗ Thanh S phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa anh Đỗ Thanh S và chị Phan Thị Dũng S

2. Về con chung: cháu Đỗ Thị Kiều M, sinh ngày 24/10/2001, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Đỗ Thanh S nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004754 ngày 23/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện